TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2018/DS-PT
Ngày: 12-7-2018
V/v Tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05/7/2018 và ngày 12/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2017/TLPT-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2018/QĐ-PT, ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 (có mặt);

1.2 Ngô Thị H, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Tân K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L là ông Nguyễn Quốc T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thị N, sinh năm 1939 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Nguyễn Minh T, sinh năm 1985 (con ông L) (vắng mặt);

3.2 Nguyễn Thị Bảo Y, sinh năm 1989 (con ông L) (vắng mặt);

3.3 Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1993 (con ông L) (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Tân K, huyện M, Đồng Tháp.

3.4 Bùi Thị Kiều L1, sinh năm 1966 (con bà N) (có mặt);

3.5 Bùi Thị Kiều T1, sinh năm 1973 (con bà N) (có mặt);

3.6 Dương Thị Tuyết V, sinh năm 1982 (con bà N) (vắng mặt);

3.7 Bùi Thị Kiều D, sinh năm 2005 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Tân K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3.8 Phạm Thị Kiều T2, sinh năm 1991 (cháu bà N) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân K, huyện M, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L và bà Ngô Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Văn L, bà Ngô Thị H trình bày:

Vào năm 1994, vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H thửa đất số 1253, tờ bản đồ số 2 diện tích 217,5m^2, loại đất ONT, tọa lạc tại Ấp 3, xã Tân K, có đo đạc và cấm trụ đá.

Khoảng năm 1996, vợ chồng ông, bà cất nhà, sau đó vài năm thì hộ bà Trần Thị N cất nhà sàn ván có lấn sang phần đất của ông, bà ngang 0.15m, dài 14m, diện tích 2.1m^2.

Ngày 04/1/2015, cháu bà N tên Phạm Thị Kiều T2 đến nhà ông, bà tháo dỡ bảng hiệu kem sinh tố loại tol dày, chữ viết sơn màu, đập giục ra lộ xe, xe cán hư thiệt hại 495.000đ, có Công an xã Tân Kiều lập biên bản sự việc.

Ngày 18/2/2016, bà N, T1, L1 tháo dỡ lấy mất tol lưới B40 dài 3m và 4 tấm tol thiết, thiệt hại tài sản 357.000đ, có Công an xã Tân Kiều lập biên bản sự việc.

Ngày 20/4/2016, bà N, T1, L1 tiếp tục đập phá tài sản nhà bà làm thiệt hại hư hết 3 tấm tol thiệt hại 165.000đ.

Vợ chồng ông, bà có sang phần đất của ông Nguyễn Văn H ở Ấp 3, xã Tân Kiều, thửa đất số 1834 tờ bản đồ số 02 diện tích 75m^2, bà N cất nhà sàn ván

có lấn qua phần đất của bà chiều ngang là 15m, chiều dài là 5m, tổng diện tích: 75m^2.

Nay, ông L và bà H yêu cầu:

Buộc Trần Thị N, Bùi Thị Kiều T1, Dương Thị Tuyết V, Bùi Thị Kiều L1, Bùi Thị Kiều D trả lại diện tích lấn ranh giới quyền sử dụng đất là 2.1 m^2 thửa 1253 và 75m^2 thửa 1834 và cắt bỏ phần ván nhà sàn dư lấn qua hai thửa đất nêu trên.

Buộc Phạm Thị Kiều T2 bồi thường thiệt hại bảng hiệu kem sinh tố giá trị khi mua là 495.000đ

Buộc Trần Thị N, Bùi Thị Kiều L1, Bùi Thị Kiều T1 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản 03 tấm tol thiết giá trị 165.000đ.

Buộc Trần Thị N, Bùi Thị Kiều L1, Bùi Thị Kiều T1 liên đới bồi thường thiệt hại tol lưới B40 dài 3m và 4 tấm tol thiết giá trị 357.000đ.

Bị đơn Trần Thị N trình bày:

Nguồn gốc đất của bà diện tích 79m^2 (ngang 5,5m X dài 14m) thửa 1264 tờ bản đồ số 02 là bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn V năm 1995, có làm giấy viết tay; ông V nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H nhưng ông H chưa chuyển quyền sử dụng cho ông V, thỏa thuận ông H chuyển quyền sử dụng cho bà, có xác định ranh, bà nhận chuyển nhượng sau bà H, ông L và cất nhà sau thời điểm bà H xây nhà, bà H cho rằng bà cất nhà vách ván lấn sang đất ông, bà là 2,lm^2 và 75m^2 là không đúng nên bà không đồng ý. Vì nhà của bà cất là trên phần diện tích đất của bà.

Về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H, ông L bà không đồng ý. Vì bên bà H, ông L treo tol vào sàn nhà của bà có dùng cây chọt qua phần tol nên hai bên lời qua tiếng hại chứ không có làm thiệt hại tài sản.

Đồng thời, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu hộ bà H, ông L trả lại cho bà đất lấn ranh ngang l tất, dài 5,5m và di dời đòn tay nhà và tol ngang 03 tất, dài 5,5m thửa đất 1264 do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị Phạm Thị Kiều T2 tại tòa sơ thẩm trình bày:

Chị cho rằng, bảng hiệu kem sinh tố của bà H để bên vách nhà của bà N là bà ngoại của chị, đã nhiều lần chị kêu bà H đem bảng hiệu kem đó về nhà của bà, nhưng bà H không chịu nên chị giục ra đường và Công an có đến lập biên bản, bảng hiệu không có hư hao gì hết. Nay bà H, ông L yêu cầu chị bồi thường số tiền 495.000đồng chị không đồng ý.

Chị Bùi Thị Kiều T1, Bùi Thị Kiều L1 trình bày:

Là con của bà N, các chị không có làm thiệt hại về tài sản của bà H, ông L nên không đồng ý yêu cầu của bà H, ông L.

Bản án sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 và Quyết định số 07/2017/QĐ-SCBSBA ngày 19/10/2017 về sửa chữa bổ sung bản án của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H đối với bà N về tranh chấp dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N đối với ông L, bà H về tranh chấp dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất.

Chấp nhận yêu cầu của ông L, bà H đối với bà N về di dời tài sản trên đất.

Chấp nhận yêu cầu của bà N đối với ông L, bà H về di dời tài sản trên đất.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định như sau:

Mốc R8 (mí ngoài vách tường, vị trí cột nhà ông L) đến mốc R6 (tương đương mốc M1 của ông L xác định) đến mốc M3 hộ bà N được quyền sử dụng ngang 0.14m X dài 19.95m là 1.4m^2.

Mốc R8 (mí ngoài vách tường, vị trí cột nhà ông L) đến mốc R7 (tương đương mốc M2 của bà N xác định) đến mốc M3 hộ ông L, bà H được quyền sử dụng ngang 0.05m X dài 19.96m là 0.4m^2.

Buộc hộ ông L, bà H di dời hàng rào bê tông lấn qua ranh giới đất của bà N từ mốc M3 đến mốc R9 là 2.94m; từ mốc R9 đến mốc R10 là 2.39m và di dời phần tol sống kẽm vuông, xà gồ thép hộp, kèo thép hộp lấn qua phần ranh giới đất của bà N sau khi nối mốc R8 đến mốc M3 là một đường thẳng.

Buộc hộ bà N di dời ván gỗ sàn nhà lấn qua ranh giới đất của ông L, bà H từ mốc R11 đến mốc R12 là 12.32m.

Kèm theo mãnh trích đo địa chính số 84-2016, bản đồ trích đo khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N, đo vẽ ngày 31/5/2016 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tháp Mười và phụ lục kèm theo trích đo số 84-2016 ngày 19/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tháp Mười; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2016; ngày 12/5/2017; ngày 15/9/2017 của Tòa án huyện.

Chi phí di dời đương sự tự chịu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về tài sản của ông L, bà H đối với bà N, chị L1, chị T1, chị T2.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá đương sự phải nộp (đã nộp đủ).

Về án phí: Hộ ông L, bà H phải nộp 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 100.000đ theo biên lai số 039081 ngày 14/3/2016; 100.000đ theo biên lai số 02638 ngày 01/6/2016; 188.000đ biên lai số 09805 ngày 18/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, hộ ông L, bà N nộp thêm 212.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hộ bà N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 200.000đ theo biên lai số 06786 ngày 31/8/2016; 100.000đ theo biên lai số 10067 ngày 07/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2017 Nguyễn Văn L và Ngô Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông L, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện khẳng định là sàn nhà bà N lấn chiếm ranh qua đất của nguyên đơn thửa 1253 và thửa 1834 theo như sơ đồ đo đạc của Tòa án, chứ không phải lấn chiếm 75m^2 của thửa 1834 như trình bày trước đây và giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được xác lập ranh theo các mốc R6, M3 trên sơ đồ đo đạc và buộc bà N, chị T2, L1 và T1 bồi thường thiệt hại về tài sản đã làm hư hỏng cho ông L, bà H.

Bà N và chị T1, chị L1 giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, không bổ sung gì khác.

Chị T2, chị V và D không ý kiến, do vắng mặt phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định pháp luật; về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ranh giới đất tranh chấp được xác định là ranh chiều dọc giữa thửa đất số 1253 và 1834 của ông L với thửa 1264 của bà N, cùng tờ bản đồ số 02, đều đã được cấp giấy đất. Phạm vi tranh chấp là: Đầu ranh giáp lộ ngang 0,19m; ngang hậu 00m; dài 19,95m. Trên đất tranh chấp đoạn đầu ranh có 1 phần là vách tường nhà ông L, đoạn giữa đến cuối ranh là phần ván sàn nhà bà N, phía dưới sàn nhà là tường rào bêtông đang xây dang dở của ông L.

[2]. Nguồn gốc đất ông L, đất bà N đều là đất nhận nhượng của ông H. Căn cứ theo giấy nhận nhượng, hồ sơ đăng ký cấp giấy và Trích lục bản đồ địa chính thì đất ông L có chiều ngang là 15m, đất bà N chiều ngang là 5,5m.

[3]. Theo kết quả đo đạc hiện trạng, không tính phần tranh chấp 0,19m, thì đất ông L ngang 15,24m, đất bà N 5,27m. Tuy đất ông L có thừa bề ngang, nhưng do trên thực tế sử dụng thì ông L đã xây dựng nhà ở năm 2002, tường nhà chiếm trên đất tranh chấp chiều ngang 10cm, thành ra bề ngang đất ông L là 15,34m, khi xây dựng và quá trình sử dụng bên bà N không phản đối, tranh chấp và khi hòa giải tại UBND xã Tân Kiều hai bên cũng đã thống nhất xác định ranh tại vách tường nhà ông L thẳng đến trụ đá cuối ranh, tức là tường nhà thuộc về ông L, mốc giới ranh là mép ngoài của tường nhà, nên án sơ thẩm nhận định chấp nhận mốc ranh này, không buộc ông L tháo dở vách tường nhà nhằm ổn định hiện trạng sử dụng của các bên.

[4]. Tuy nhiên, về mặt kích thước thì vách tường nhà của ông L theo kỷ thuật xây dựng bình thường có độ dày trung bình là 10cm, nhưng án sơ thẩm dựa vào bản vẽ Phụ lục kèm theo trích đo địa chính của VP.ĐKĐĐ huyện Tháp Mười xác định điểm mốc ranh tại vách tường nhà ông L là mốc R8, theo vị trí này thì bề ngang đất tranh chấp thuộc về bên ông L (từ R8 đến M2 mốc tương ứng là R7) chỉ có 0,05m, tức là chỉ bằng một nửa bề dày vách tường nhà ông L (đường ranh là tim tường) và như vậy tường nhà này phải phá dở một nửa bề dày(0,05m), vách tường sẽ không tồn tại sử dụng được; đồng thời tường nhà là gắn liền với cột bêtông, mà cột là có móng lớn hơn, dôi dư ra khỏi tường, do vậy cần phải xác định lại cột mốc giới này theo hướng điều chỉnh ranh lại tại mốc R6 để giữ nguyên bức tường, móng cột tường nhà của ông L, đảm bảo sử dụng ổn định đúng theo quy định của pháp luật về ranh giới theo chiều thẳng đứng từ mặt đất lên không gian và xuống lòng đất, xác định mốc giới ranh là tại vị trí mốc R6 dài thẳng đến mốc M3 là có căn cứ phù hợp.

[5]. Các khoản về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông L, bà H đối với bà N và các con, cháu bà N không có chứng cứ xác thật về thiệt hại, ông

L, bà H kháng cáo yêu cầu phải được bồi thường, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới so với sơ thẩm nên không có cơ sở chấp nhận.

[6]. Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp, mà phải sửa án một phần về ranh đất như đã nhận định trên.

[7]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên xét thấy án sơ thẩm xác định ranh giới đất giữa các bên tại mốc R8 là không phù hợp và có đủ cơ sở chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông L, bà H về ranh đất; không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà H về bồi thường thiệt hại tài sản. Phải sửa một phần án sơ thẩm.

[8]. Do sửa án sơ thẩm, nên ông L, bà H không phải chịu án phí phúc thẩm và sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp theo luật định. Do ông L, bà H là vợ chồng, mà ông L là người trực tiếp có công với Cách mạng và đang thờ cúng cha ruột là liệt sĩ, thuộc trường hợp được miễn án phí, nên ông L, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N phải chịu án phí sơ thẩm về phần ranh đất.

[9]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2, Điều 148 và khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166, 170 Luật Đất đai 2013; Điều 175, 584 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Ngô Thị H; sửa một phần về phần "Ranh giới quyền sử dụng đất" của Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DS-ST ngày 26/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu xác lập ranh giới quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L, bà Ngô Thị H đối với bà Trần Thị N.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 1253 và 1834 của ông L, bà H với thửa đất số 1264 của hộ bà N, cùng tờ bản đồ số 2, tại xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, được xác định tại các mốc R6 và M3 theo Mãnh trích đo địa chính đất tranh chấp giữa ông L và bà N và sơ đồ Phụ lục kèm theo, do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười đo vẽ cùng ngày 10/5/2018. Nối mốc R6 thẳng đến mốc M3 làm thành đường ranh (có sơ đồ kèm theo bản án).

4. Các bên đương sự là ông L, bà H và bà N cùng những người trong hộ có quyền sử dụng đất chung của mỗi bên phải có nghĩa vụ tự thu dọn di dời cây trồng, vật kiến trúc của mình vướng vào đường ranh (nếu có), phải tôn trọng và sử dụng đường ranh đã xác định trên theo chiều thẳng đứng, từ mặt đất lên không gian và xuống lòng đất theo quy định của pháp luật; được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký điều chỉnh diện tích cấp giấy đất theo luật định.

5. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Nguyễn Văn L, bà Ngô Thị H đối với bà Trần Thị N, chị Phạm Thị Kiều T2, Bùi Thị Kiều L1 và Bùi Thị Kiều T1.

6. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn L và bà Ngô Thị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm; tiền tạm ứng án phí đã nộp 100.000đ theo biên lai thu số 039081 ngày 14/3/2016; 100.000đ theo biên lai thu số 02638 ngày 01/6/2016; 188.000đ theo biên lai thu số 09805 ngày 18/01/2017; 300.000đ theo biên lai thu số 01471 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười được hoàn trả lại cho ông L và bà H.

+ Bà Trần Thị N phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm (phần về ranh đất); tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo biên lai thu số 06786 ngày 31/8/2016 và 100.000đ theo biên lai thu số 10067 ngày 07/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, được khấu trừ vào án phí 200.000đ, bà N được nhận lại số tiền là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

7. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá ông L tự nguyện chịu và đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương